

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *Mb3*/STNMT-QLĐĐ

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 7 năm 2016

V/v hướng dẫn lập Kế hoạch
sử dụng đất cấp huyện năm 2017

Kính gửi: Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố

Theo quy định tại khoản 4, Điều 9 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: Quý III hàng năm, UBND cấp huyện gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hàng năm của năm sau về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 31/12.

Để kịp thời triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 cấp huyện, trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt; thống nhất về phương pháp, quy trình thực hiện, quản lý công tác lập kế hoạch sử dụng đất; Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 như sau:

I. Các cơ quan, đơn vị liên quan đến lập Kế hoạch sử dụng đất

1. UBND cấp huyện tổ chức lập Kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2, Điều 42 Luật Đất đai (phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí để tổ chức thực hiện).

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì giúp UBND cấp huyện lập Kế hoạch sử dụng đất; tổng hợp nhu cầu đăng ký thực hiện dự án có sử dụng đất của các ngành, đơn vị, các tổ chức kinh tế, tổ chức khác; xác định các chỉ tiêu sử dụng đất; xây dựng bản đồ Kế hoạch sử dụng đất; hoàn thiện sản phẩm kế hoạch.

Phòng Tài nguyên và Môi trường được thuê đơn vị tư vấn thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc nêu trên.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định Kế hoạch sử dụng đất; báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh (hoặc Thủ tướng Chính phủ) thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất do UBND cấp huyện lập.

4. Chủ đầu tư các dự án có sử dụng đất trong năm 2017 có trách nhiệm đăng ký danh mục công trình, dự án và nhu cầu sử dụng đất. Trường hợp không đăng ký xem như không có nhu cầu sử dụng đất.

II. Nội dung của Kế hoạch sử dụng đất

Kế hoạch sử dụng đất được lập theo hướng dẫn tại mục 3, Chương III, Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (từ Điều 65 đến Điều 69).

III. Trình tự lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2017

1. Tổ chức đăng ký nhu cầu sử dụng đất

a) Thông báo đăng ký nhu cầu sử dụng đất:

- Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo đến các Sở, ban ngành cấp tỉnh, các đơn vị an ninh, quốc phòng để các đơn vị đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trong năm 2017 gửi về cho UBND cấp huyện.

- UBND cấp huyện có văn bản thông báo đến các Phòng, ban cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp trên địa bàn, hộ gia đình, cá nhân và thông tin trên các phương tiện truyền thông để các đơn vị đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trong năm 2017 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường.

b) Hồ sơ đăng ký:

- Phiếu đăng ký danh mục công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 cấp huyện;

- Bản sao các căn cứ pháp lý có liên quan: Quyết định chủ trương đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Giấy chứng nhận đầu tư); Quyết định phê duyệt dự án đầu tư; Văn bản thể hiện dự án được ghi vào kế hoạch vốn đầu tư năm 2017,...

- Bản trích lục, trích đo khu đất hoặc bản vẽ thiết kế dự án hay sơ đồ thể hiện vị trí khu đất.

c) Vấn đề cần lưu ý khi lập Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện:

Đối với những dự án đã đăng ký liên tiếp vào Kế hoạch sử dụng đất các năm 2014, 2015 và 2016 nhưng chưa thực hiện thì không đăng ký vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2017.

2. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký

- UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ đăng ký của các Sở, ban ngành cấp tỉnh, các đơn vị an ninh, quốc phòng và chuyển cho Phòng Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ đăng ký của Phòng, ban cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp và hộ gia đình, cá nhân.

- Thời gian tiếp nhận đăng ký đến hết **ngày 15/8/2016**.

3. Tổng hợp, xử lý và xây dựng Kế hoạch sử dụng đất

4. Lấy ý kiến hoàn thiện về Kế hoạch sử dụng đất

IV. Thẩm định và phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất

1. UBND cấp huyện lập xong Kế hoạch sử dụng đất, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định **trước ngày 15/9/2016**. Hồ sơ thẩm định bao gồm 20 bộ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của UBND cấp huyện.

- Báo cáo Kế hoạch sử dụng đất kèm theo các biểu (22 biểu kèm theo công văn này), bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và sơ đồ vị trí, ranh giới, diện tích các dự án thực hiện năm 2017.

- Riêng các căn cứ pháp lý để thực hiện từng dự án đăng ký mới và chuyển tiếp thực hiện trong năm 2017 là 05 bộ.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh danh mục các dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng

lúa; đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (trường hợp dự án có sử dụng từ 10 ha đất trồng lúa; từ 20 ha đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trở lên sẽ báo cáo UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ).

3. Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 trước ngày 20/12/2016.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 cấp huyện. Quá trình tổ chức thực hiện có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, QLDD.

GIÁM ĐỐC



Bùi Thanh Lam

(Mẫu kèm theo Công văn số /STNMT-QLDD ngày /7/2016)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ

Danh mục công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 cấp huyện

Kính gửi ⁽¹⁾:.....

1. Tên người đăng ký ⁽²⁾:

2. Địa chỉ liên hệ:

3. Số điện thoại:.....; **Email:**

4. Thông tin về công trình, dự án:

- Tên công trình, dự án:.....

- Địa chỉ thửa đất thực hiện công trình, dự án:

+ Thửa đất số:.....; Tờ bản đồ số:

+ Xã/phường/thị trấn:.....; huyện/thị xã/thành phố:

+ Diện tích:.....(m²);

- Có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng:

+ Đất trồng lúa:.....(m²);

+ Đất rừng phòng hộ:.....(m²);

+ Đất rừng đặc dụng:.....(m²);

- Phải thu hồi đất:.....(m²); Tên người/tổ chức có đất bị thu hồi:.....

5. Hình thức đăng ký: Đăng ký mới năm 2017/Chuyển tiếp từ năm 2016 sang năm 2017;

6. Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao: Quyết định chủ trương đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Giấy chứng nhận đầu tư); Quyết định phê duyệt dự án đầu tư; Văn bản thể hiện dự án được ghi vào kế hoạch vốn đầu tư năm 2017,...

- Bản trích lục, trích đo khu đất hoặc bản vẽ thiết kế dự án hay sơ đồ thể hiện vị trí khu đất.

Người đăng ký

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

(1): UBND cấp huyện đối với người đăng ký là Sở, ban ngành cấp tỉnh, các đơn vị an ninh, quốc phòng; Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện đối với người đăng ký là Phòng, ban cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp trên địa bàn hoặc hộ gia đình, cá nhân.

(2): Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân.

Biểu số 1.2: Kết quả thực hiện Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất theo Nghị quyết số 187/NQ-HĐND ngày 07/01/2016 của HĐND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh thỏa thuận bổ sung trong năm 2016 của huyện/thị xã/thành phố...

[illegible]

Biểu số 1.3: Kết quả thực hiện Danh mục công trình, dự án phải chuyển mục đích từ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng theo Nghị quyết số 187/NQ-HĐND ngày 07/01/2016 của HĐND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh thỏa thuận bổ sung trong năm 2016 của huyện/thị xã/thành phố...

STT	Danh mục công trình dự án	Chủ đầu tư	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			Địa điểm (đến cấp xã)
					LUA	RPH	RDD	
I	Danh mục công trình, dự án đã thực hiện chuyển mục đích từ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng							
1								
2								
3								
II	Dự kiến danh mục công trình, dự án sẽ thực hiện chuyển mục đích từ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đến hết ngày 31/12/2016							
1								
2								
3								

Biểu số 1.4: Kết quả thực hiện Danh mục công trình, dự án thu hút đầu tư trong năm 2016 của huyện/thị xã/thành phố...

[illegible]

**Biểu số 02: Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất năm 2016
của huyện/thị xã/thành phố...**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2015	Diện tích kế hoạch năm 2016 được duyệt	Dự kiến kết quả thực hiện đến hết ngày 31/12/2016		
					Diện tích	So sánh	
						Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)=(6)/(5)
	Tổng diện tích tự nhiên						
1	Đất nông nghiệp	NNP					
1.1	Đất trồng lúa	LUA					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (02 vụ trở lên)</i>	LUC					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS					
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN					
2.1	Đất quốc phòng	CQP					
2.2	Đất an ninh	CAN					
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất khu chế xuất	SKT					
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN					
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD					
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC					
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT					
+	Đất cơ sở văn hóa	DVH					
+	Đất cơ sở y tế	DYT					
+	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD					
+	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT					
+	Đất khoa học công nghệ	DKH					
+	Đất dịch vụ xã hội	DXH					
+	Đất giao thông	DGT					

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2015	Diện tích kế hoạch năm 2016 được duyệt	Dự kiến kết quả thực hiện đến hết ngày 31/12/2016		
					Diện tích	So sánh	
						Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
+	Đất thủy lợi	DTL					
+	Đất công trình năng lượng	DNL					
+	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV					
+	Đất chợ	DCH					
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT					
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA					
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT					
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC					
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự	DTS					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON					
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD					
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV					
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON					
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
3	Đất chưa sử dụng	CSD					

**Biểu số 03: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2016
của huyện/thị xã/thành phố...**

Đơn vị tính: ha

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2016 được duyệt	Dự kiến kết quả thực hiện đến hết ngày 31/12/2016		
				Diện tích	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
Tổng						
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN				
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN				
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (02 vụ trở lên)	LUC/PNN				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN				
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN				
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN				
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN				
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp					
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN				
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang trồng rừng	LUA/LNP				
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS				
2.4	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS				
2.5	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)				
2.6	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)				
2.7	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)				
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT				

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác;
- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

Biểu số 04: Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2016 của huyện/thị xã/thành phố...

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2016 được duyệt	Dự kiến kết quả thực hiện đến hết ngày 31/12/2016		
				Diện tích	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
Tổng						
1	Đất nông nghiệp	NNP				
1.1	Đất trồng lúa	LUA				
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (02 vụ trở lên)	LUC				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK				
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN				
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS				
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN				
2.1	Đất quốc phòng	CQP				
2.2	Đất an ninh	CAN				
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD				
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC				
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT				
	+ Đất cơ sở văn hóa	DVH				
	+ Đất cơ sở y tế	DYT				
	+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD				
	+ Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT				
	+ Đất khoa học công nghệ	DKH				
	+ Đất dịch vụ xã hội	DXH				
	+ Đất giao thông	DGT				
	+ Đất thủy lợi	DTL				
	+ Đất công trình năng lượng	DNL				
	+ Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV				

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2016 được duyệt	Dự kiến kết quả thực hiện đến hết ngày 31/12/2016		
				Diện tích	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
+	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>				
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT				
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT				
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC				
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON				
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD				
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN				
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON				
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	Đất chưa sử dụng	DCS				

**Biểu số 05: Kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2016
của huyện/thị xã/thành phố...**

Đơn vị tính: ha

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2016 được duyệt	Dự kiến kết quả thực hiện đến hết ngày 31/12/2016		
				Diện tích	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích tự nhiên						
1	Đất nông nghiệp	NNP				
1.1	Đất trồng lúa	LUA				
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (02 vụ trở lên)	LUC				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK				
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN				
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS				
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN				
2.1	Đất quốc phòng	CQP				
2.2	Đất an ninh	CAN				
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD				
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC				
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT				
+	Đất cơ sở văn hóa	DVH				
+	Đất cơ sở y tế	DYT				
+	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD				
+	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT				
+	Đất khoa học công nghệ	DKH				
+	Đất dịch vụ xã hội	DXH				
+	Đất giao thông	DGT				
+	Đất thủy lợi	DTL				
+	Đất công trình năng lượng	DNL				

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2016 được duyệt	Dự kiến kết quả thực hiện đến hết ngày 31/12/2016		
				Diện tích	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
+	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV				
+	Đất chợ	DCH				
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT				
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT				
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC				
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON				
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD				
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN				
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON				
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				

Biểu số 06: Chu chuyển dài dài trong kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện/thị xã/hành phố...

[illegible]

Biểu số 7.1: Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2017 của huyện/thị xã/thành phố...

CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN MỤC TIÊU TRONG NĂM 2017 / của huyện/thị xã/thành phố...																								
STT	Hạng Mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất																Địa điểm (đến cấp xã)			
					NNP	LUA	HNK	CLN	...	PNN	CQP	CAN	SKK	...	DHT	DVH	DYT	DGD	DTT	...		DDT	DDL	DRH
	Tổng																							
A	Danh mục, công trình thực hiện mới trong năm 2017																							
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh																							
II	Công trình, dự án do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư																							
III	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư																							
IV	Công trình, dự án đầu tư công của địa phương																							
V	Công trình, dự án thu hút đầu tư của địa phương																							
VI	Chuyển mục đích sử dụng đất theo nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân																							

STT	Hạng Mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất															Địa điểm (đến cấp xã)							
					NNP	LUA	HNK	CLN	...	PNN	CQP	CAN	SKK	...	DHT	DVH	DYT	DGD	DIT		...	DDT	DDL	DRH	...	CSD	
B	Danh mục, công trình chuyển tiếp từ năm 2016 sang năm 2017																										
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh																										
II	Công trình, dự án do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư																										
III	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư																										
IV	Công trình, dự án đầu tư công của địa phương																										
V	Công trình, dự án thu hút đầu tư của địa phương																										
VI	Chuyển mục đích sử dụng đất theo nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân																										

Biểu số 7.3: Danh mục công trình, dự án phải chuyển mục đích từ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2017 của huyện/thị xã/thành phố...

STT	Danh mục công trình dự án	Chủ đầu tư	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			Địa điểm (đến cấp xã)
					LUA	RPH	RDD	
I	Tổng Công trình, dự án do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư							
1								
2								
3								
...								
II	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư							
1								
2								
3								
...								
III	Công trình dự án phải có văn bản đồng ý của Thủ tướng Chính phủ							
1								
2								
3								
...								
IV	Công trình dự án do HĐND tỉnh thông qua							
1								
2								
3								
...								

Biểu số 7.5: Danh mục công trình, dự án bán đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2017 của huyện/thị xã/thành phố...

[illegible]

Biểu số 08: Kế hoạch phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất năm 2017 của huyện/thị xã/thành phố...

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	...
Tổng diện tích tự nhiên							
1	Đất nông nghiệp	NNP					
1.1	Đất trồng lúa	LUA					
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (2 vụ trở lên)	LUC					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS					
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN					
2.1	Đất quốc phòng	CQP					
2.2	Đất an ninh	CAN					
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất khu chế xuất	SKT					
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN					
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD					
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC					
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT					
	+ Đất cơ sở văn hóa	DVH					
	+ Đất cơ sở y tế	DYT					
	+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD					
	+ Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT					
	+ Đất khoa học công nghệ	DKH					
	+ Đất dịch vụ xã hội	DXH					
	+ Đất giao thông	DGT					
	+ Đất thủy lợi	DTL					
	+ Đất công trình năng lượng	DNL					
	+ Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV					
	+ Đất chợ	DCH					
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT					
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	...
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA					
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT					
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC					
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON					
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD					
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV					
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON					
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
3	Đất chưa sử dụng	CSD					
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN					
5	Đất khu kinh tế*	KKT					
6	Đất đô thị*	KDT					

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

**Biểu số 09: So sánh Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 với năm 2016
của huyện/thị xã/thành phố...**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích dự kiến năm 2016	Kế hoạch sử dụng đất năm 2017	
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)
Tổng diện tích tự nhiên					
1	Đất nông nghiệp	NNP			
1.1	Đất trồng lúa	LUA			
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (2 vụ trở lên)	LUC			
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN			
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS			
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH			
2	Đất phi nông nghiệp	PNN			
2.1	Đất quốc phòng	CQP			
2.2	Đất an ninh	CAN			
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất khu chế xuất	SKT			
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN			
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD			
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC			
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT			
+	Đất cơ sở văn hóa	DVH			
+	Đất cơ sở y tế	DYT			
+	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD			
+	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT			
+	Đất khoa học công nghệ	DKH			
+	Đất dịch vụ xã hội	DXH			
+	Đất giao thông	DGT			
+	Đất thủy lợi	DTL			
+	Đất công trình năng lượng	DNL			
+	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV			

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích dự kiến năm 2016	Kế hoạch sử dụng đất năm 2017	
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)
+	Đất chợ	DCH			
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT			
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA			
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT			
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT			
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC			
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS			
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON			
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD			
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX			
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH			
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV			
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN			
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON			
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC			
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			
3	Đất chưa sử dụng	CSD			

**Biểu số 10: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017
của huyện/thị xã/thành phố...**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã ...	Xã ...	Xã ...	...
	Tổng						
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN					
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước trở lên</i>	<i>LUC/PNN</i>					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN					
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN					
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp						
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN					
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang trồng rừng	LUA/LNP					
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS					
2.4	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS					
2.5	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)					
2.6	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)					
2.7	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)					
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT					

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác;
- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

Biểu số 11: Kế hoạch thu hồi đất năm 2017 của huyện/thị xã/thành phố...

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	...
1	Đất nông nghiệp	NNP					
1.1	Đất trồng lúa	LUA					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (2 vụ trở lên)</i>	<i>LUC</i>					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS					
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN					
2.1	Đất quốc phòng	CQP					
2.2	Đất an ninh	CAN					
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất khu chế xuất	SKT					
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN					
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD					
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC					
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT					
	+ Đất cơ sở văn hóa	DVH					
	+ Đất cơ sở y tế	DYT					
	+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD					
	+ Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT					
	+ Đất khoa học công nghệ	DKH					
	+ Đất dịch vụ xã hội	DXH					
	+ Đất giao thông	DGT					
	+ Đất thủy lợi	DTL					
	+ Đất công trình năng lượng	DNL					
	+ Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV					
	+ Đất chợ	DCH					
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT					
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	...
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA					
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT					
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC					
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON					
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD					
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV					
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON					
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
3	Đất chưa sử dụng	DCS					

**Biểu số 12: Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2017
của huyện/thị xã/thành phố...**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	...
Tổng							
1	Đất nông nghiệp	NNP					
1.1	Đất trồng lúa	LUA					
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (2 vụ trở lên)	LUC					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS					
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN					
2.1	Đất quốc phòng	CQP					
2.2	Đất an ninh	CAN					
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất khu chế xuất	SKT					
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN					
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD					
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC					
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT					
	+ Đất cơ sở văn hóa	DVH					
	+ Đất cơ sở y tế	DYT					
	+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD					
	+ Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT					
	+ Đất khoa học công nghệ	DKH					
	+ Đất dịch vụ xã hội	DXH					
	+ Đất giao thông	DGT					
	+ Đất thủy lợi	DTL					
	+ Đất công trình năng lượng	DNL					
	+ Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV					
	+ Đất chợ	DCH					
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT					

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã...	Xã...	Xã...	...
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA					
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT					
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC					
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON					
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD					
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV					
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON					
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					

Biểu số 14: Dự kiến thu - chi tiền sử dụng đất trong năm 2017 của huyện...

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Địa điểm (đến cấp xã)	Thu tiền sử dụng đất						Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Chênh lệch thu, chi
				Tổng	Thu từ giao đất	Thu từ cho thuê đất	Thu từ chuyển mục đích	Thu tiền phí trước bạ	Thu tiền chuyển quyền SDD		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(5)-(11)
	Tổng										
A	Danh mục, công trình thực hiện mới trong năm 2017										
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh										
II	Công trình, dự án do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư										
III	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư										
IV	Công trình, dự án đầu tư công của địa phương										
V	Công trình, dự án thu hút đầu tư của địa phương										
VI	Chuyển mục đích sử dụng đất theo nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân										

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Địa điểm (đến cấp xã)	Thu tiền sử dụng đất						Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Chênh lệch thu, chi
				Tổng	Thu từ giao đất	Thu từ cho thuê đất	Thu từ chuyển mục đích	Thu tiền phí trước bạ	Thu tiền chuyển quyền SDD		
B	Danh mục, công trình chuyển tiếp từ năm 2016 sang năm 2017										
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh										
	...										
II	Công trình, dự án do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư										
	...										
III	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư										
	...										
IV	Công trình, dự án đầu tư công của địa phương										
	...										
V	Công trình, dự án thu hút đầu tư của địa phương										
	...										
VI	Chuyển mục đích sử dụng đất theo nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân										
	...										